TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **169**/2024/QĐST-HNGĐ	*Tp.Tuyên Quang, ngày 19 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Phan Văn K**, sinh năm 1989
Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang
Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1994
Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phan Văn K và chị Nguyễn Thị L (Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2012 do UBND xã M, huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 30/8/2012).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao hai con chung là Phan Thanh N, sinh ngày 26/02/2013 và Phan Thu T, sinh ngày 13/6/2015 cho anh Phan Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Phan Văn K không yêu cầu, chị Nguyễn Thị L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Phan Văn K và chị Nguyễn Thị L đều xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh Phan Văn K và chị Nguyễn Thị L đều xác định không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Phan Văn K tự nguyện nộp 150.000 đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000049 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Trả lại cho anh Phan Văn K số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Chị Nguyễn Thị L không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

"Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố T;
- THADS thành phố T;
- UBND xã M;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

Vương Thị Lan